

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K

Bản án số: 03/2019/HS-ST.

Ngày: 14/1/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Quang Ngọc (*chuyên viên phòng GDDT thành phố K*)

2/ Ông Nguyễn Văn Long (*Hiệu trưởng trường trung học Nguyễn Chi Phương*).

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 14-1-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K - tỉnh K, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2018/HS-ST ngày 14/12/2018 đối với bị cáo:

A R.P, sinh ngày 30/12/2001 tại K; Trú tại: Làng L, xã Y, huyện S, tỉnh K; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông A Ly, sinh năm 1982 và bà Y Thử, sinh năm 1980; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Người đại diện theo pháp luật: Anh A Ly, sinh năm 1980; Địa chỉ: Làng L, xã Y, huyện S, tỉnh K.

Luật sư bào chữa cho bị cáo A R.P: Ông Tạ Văn Nghiệp- Luật sư của văn phòng luật sư Sài Gòn an nghiệp thuộc đoàn luật sư tỉnh K; Địa chỉ: Số 52 Bà Triệu, phường N, thành phố K, tỉnh K.

- Người bị hại:

Chị H.t.n.p, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh T.Q.T, sinh năm 1977 (Có mặt)

Trú tại: Tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K.

2. Anh A Ly, sinh năm 1980. (Có mặt)

Trú tại: Làng L, xã Y, huyện S, tỉnh K.

3. Anh A R. F, sinh năm 2000. (Có mặt)

Trú tại: Làng L, xã Y, huyện S, tỉnh K.

- Người làm chứng:

1. Anh N.Đ.T, sinh năm 1987.

Trú tại: 147 N, phường N, thành phố K.

2. Anh A Phấn, sinh năm 1995. (Có mặt)

Trú tại: Làng L, xã Y, huyện S, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 03/3/2018, A R.P không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS 82B1-555.62 chở A Phấn lưu thông trên đường N theo hướng từ Quốc lộ 14 đi xã Ia Chim, thành phố K. Khi đi đến khu vực trước nhà thờ Phương Hòa (*thuộc địa phận phường N, thành phố K*) thấy đường vắng nên A R.P điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 60 đến 70 km/h, lúc này phía trước có chị H.t.n.p điều khiển xe mô tô BKS 82B1-317.78 đang lưu thông cùng chiều phía trước. Khi xe mô tô BKS 82B1-555.62 cách xe mô tô BKS 82B1-317.78 từ 5m đến 6m, chị H.t.n.p điều khiển xe chuyển hướng, rẽ vào đường hẻm 147 N, do A R.P không giữ khoảng cách an toàn nên tông vào phía sau xe mô tô 82B1-317.78, đẩy đi xa khoảng 11m thì dừng lại. Hậu quả: chị H.t.n.p bị thương, hai xe mô tô 82B1 -555.62 và 82B1-317.78 bị hư hỏng.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 83/TgT-TTPY ngày 17/7/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh K thể hiện tỉ lệ thương tích của chị H.t.n.p là 81% (*tám mươi một phần trăm*).

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường là đường N, phường N, thành phố K, tỉnh K. Đường hai chiều, trải nhựa bằng phẳng, rộng 9.3m, ở giữa có vạch kẻ đường bằng sơn trắng, đứt đoạn chia hai chiều.

Lấy trụ điện kí hiệu BT1B2 nằm trên vỉa hè phía bên trái đường N (*theo hướng lưu thông của xe mô tô BKS 82B1 -555.62 trước khi xảy ra tai nạn*) làm điểm mốc, lấy mép bên trái đường N theo hướng từ Quốc lộ 14 đi UBND xã Đoàn Kết làm chuẩn.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường ghi nhận: xe mô tô 82B1 -555.62 (X1) nằm ngã nghiêng bên trái đường N, đầu xe về hướng Bắc, đuôi xe quay về hướng Nam, từ trục trước xe X1 đến mép đường bên trái là 1.3m; từ trục sau xe X1 đến mép đường bên trái là 1.0m.

Xe mô tô BKS 82B1-317.78 (X2) nằm ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay về hướng Đông, đuôi xe quay về hướng Tây, từ trục trước xe X2 đến mép đường bên trái là 2.2m; từ trục sau xe X2 đến mép đường bên trái là 1.2m.

Tại hiện trường ghi nhận 01 vết máu (kích thước 2x4cm) ở lòng đường cách mép đường bên trái là 2.2m. Ghi nhận 2 vết cà (ký hiệu VC1 và VC2) đều có chiều từ hướng đông sang Tây. VC1 có chiều dài 9.9m; từ đầu VC1 đến mép đường bên trái là 3.6m; từ cuối VC1 đến mép đường là 1.7m. VC2 có chiều dài 1.0m; từ đầu VC2 đến mép đường bên trái là 1.7m; từ cuối VC2 đến mép đường 1.6m.

Qua khám nghiệm hiện trường xác định điểm đụng giữa hai xe mô tô 82B1-555.62 và 82B1-317.78 là điểm nằm ở lòng đường N thuộc phần đường bên trái theo hướng lưu thông của xe mô tô BKS 82B1 -555.62. Từ điểm đụng đến mép đường bên trái là 4,2m; đến đầu VC1 là 3.1m; đến cuối VC1 là 7.9m; đến đầu VC2 là 4.5m; đến cuối VC2 là 5.3m, đến trục trước xe mô tô BKS82B1 -555.62 là 14.5m; đến trục sau là 13.5m.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thành phố K thu giữ 02 xe mô tô BKS 82B1 -555.62 và 82B1-317.78. Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả lại xe mô tô BKS 82B1 -555.62 cho ông A R. F (*anh trai của A R.P*) và xe mô tô BKS 82B1-317.78 cho chủ sở hữu là anh T.Q.T (*chồng của chị Phượng*).

Trách nhiệm dân sự: Ông A Ly (*bố của A R.P*) đã bồi thường cho chị H.t.n.p số tiền 45.000.0000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*). Ông A Mú (*bố A Phấn*) hỗ trợ cho chị H.t.n.p số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Đối với xe mô tô BKS 82B1 -555.62 và 82B1-317.78, bị hư hỏng nhẹ, anh T.Q.T và A R.P tự sửa chữa, không yêu cầu gì nên không đề cập đến

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSTPKT ngày 14/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K đã truy tố bị cáo A R.P về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo A R.P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi thời gian phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất hướng xử lý vật chứng và bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo A R.P trình bày lời bào chữa cho bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa anh T.Q.T (*chồng của người bị hại*) yêu cầu bị cáo A R.P bồi thường chi phí thương tích cùng các chi phí khác với tổng số tiền là 348.333.000 đồng (*ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Trong đó chi phí điều trị là 153.883.000 đồng; tiền xe chuyển viện từ thành phố K đi thành phố Hồ Chí Minh và về là 17.000.000 đồng; khoản tiền bù đắp về tinh thần là 69.500.000 đồng; khoản tiền công lao động trong thời gian điều trị và phục hồi sức khỏe do không lao động được và khoản tiền công lao động cho người nuôi trong thời gian nằm viện và ở nhà trong vòng 10 tháng là 107.950.000 đồng. Ngoài ra đại diện của người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có thể tiếp tục việc học tập của mình.

Tại phiên tòa, bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình là đúng với nội dung truy tố của bản cáo trạng, bị cáo không có khiếu nại gì đối với kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K. không tự bào chữa cho hành vi của mình và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời khai của những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đúng với những gì đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố K.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo A R.P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 17 giờ 00 ngày 03/3/2018, A R.P (*không có giấy phép lái xe*) điều khiển xe mô tô BKS 82B1-555.62 chở A Phấn lưu thông trên đường N (*hướng Quốc lộ 14 đi xã Ia Chim*), đến trước khu vực nhà thờ Phương Hòa. Khi điều khiển xe mô tô, bị cáo A R.P đã vi phạm quy tắc tham gia giao thông đường bộ không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước của xe mình, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 luật Giao thông đường bộ, đã va

chạm với xe mô tô BKS 82B1-317.78 do chị H.t.n.p điều khiển cùng chiều. Hậu quả cú va chạm đó làm chị Phượng bị tổn thương cơ thể 81%.

Hành vi nêu trên của bị cáo A R.P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác, xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K đã truy tố bị cáo A R.P về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo A R.P sinh ngày 30/12/2001, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (03/3/2018), khi đó bị cáo mới 16 tuổi 02 tháng 3 ngày. Nên cần phải áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội mà Bộ luật hình sự quy định để xử phạt đối với bị cáo.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã cùng gia đình động viên, thăm hỏi và bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 45.000.000 đồng (*bốn lăm triệu đồng*). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã thu giữ và xử lý vật chứng như sau:

Cơ quan CSĐT Công an thành phố K thu giữ 02 xe mô tô BKS 82B1 - 555.62 và 82B1-317.78. Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả lại xe mô tô BKS 82B1 -555.62 cho ông A R. F (*anh trai của A R.P*) và xe mô tô BKS 82B1-317.78 cho chủ sở hữu là anh T.Q.T (*chồng của chị Phượng*). Nên hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh T.Q.T yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí thương tích cũng như các chi phí khác với tổng số tiền: 348.333.000 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản tiền có hóa đơn hợp lệ: 92.883.000 đồng được hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản tiền mua thuốc ngoài 61.000.000 đồng không có hóa đơn chứng từ nên không có căn cứ xem xét.

Đối với tiền xe cấp cứu 17.000.000 đồng không có hóa đơn chứng từ nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với khoản tiền bù đắp về tinh thần cho người bị hại, anh Tiến yêu cầu 69.500.000 đồng, với thương tích của bị hại là 81%, HĐXX chấp nhận 45 tháng lương tối thiểu quy thành tiền là $45 \times 1.390.000$ đồng = 62.550.000 đồng.

Đối với khoản tiền công lao động trong thời gian điều trị và phục hồi sức khỏe do không lao động được và khoản tiền công lao động cho người nuôi trong thời gian nằm viện và ở nhà trong vòng 10 tháng mà anh Tiến yêu cầu thì bị cáo còn phải bồi thường Chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại thương tích 81% sức khỏe bao gồm: chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại nên khoản tiền anh Tiến yêu cầu 107.950.000 Hội đồng xét xử thấy là phù hợp.

Tổng cộng các khoản là: 263.383.000 đồng, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho người bị hại 60.000.000 đồng nên bị cáo còn phải bồi thường số tiền 203.383.000 đồng.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A R.P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A R.P phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo A R.P 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 5 (năm) năm. Tính từ ngày tuyên án (14/1/2019).

Giao bị cáo A R.P cho UBND xã Y, huyện S, tỉnh K, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS 2015; Các điều 584; 586; 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị H.t.n.p số tiền: 203.383.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành mà bên phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền nói trên trên.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội.

Buộc bị cáo A R.P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Án phí dân sự là 10.169.150 (mười triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng) . Ông A Ly phải nộp thay cho bị cáo.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/01/2019) bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Công an TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- UBND.Phường xã Y, H. S, T. K;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Toàn